

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 02/3/2026

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tân.

Ông Bùi Chí Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Đức Bình, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2025, về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị C, sinh ngày 01/01/1983 (vắng mặt, có đơn).

Số căn cước: 095183000000 ngày cấp 00/00/2024.

Nơi ĐKTT: ấp M, xã T, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ liên lạc: Nhà Trọ H, đường N, tổ H, khu phố H, phường C, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh ngày 16/4/1987 (vắng mặt).

Số căn cước: 094087000000 ngày cấp 00/00/2022.

Địa chỉ: ấp M, xã T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18/9/2025 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Võ Thị C trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 15/01/2009, đã được Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Sóc Trăng (nay là UBND xã T, thành phố Cần Thơ) cấp giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu tiên tới hôn nhân, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng trong quá trình chung sống với nhau tới hiện tại thì tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn phát sinh do khác biệt quan

điểm sống. Đến nay, các mâu thuẫn xảy ra ngày càng gay gắt, thường xuyên hơn và không thể dung hòa được nữa. Tuy hai vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hòa giải, hàn gắn và cũng đã được sự khuyên răn của cả hai bên gia đình nhưng mâu thuẫn không hề thuyên giảm mà có chiều hướng ngày càng gay gắt hơn khiến cho mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay, cả hai vợ chồng không còn sống chung trong một mái nhà, không ai quan tâm chăm sóc ai. Bà nhận thấy việc tiếp tục kéo dài hôn nhân thì cả hai vợ chồng cũng không còn tôn trọng, yêu thương, quan tâm lẫn nhau.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà và ông T có 02 người con chung là Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 13/11/2006 và Nguyễn Thị Quỳnh M, sinh ngày 31/7/2014. Bà yêu cầu nuôi con chung Quỳnh Mai và không yêu cầu ông C cấp dưỡng cho con. Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 04/02/2026, bà tôn trọng ý kiến của con chung Quỳnh M là giao con cho ông T nuôi dưỡng và bà đồng ý cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình giải quyết, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông và bà C chung sống với nhau từ năm 2008 hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện N, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã T, thành phố Cần Thơ) vào ngày 15/01/2009 và có 02 người con chung là Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 13/11/2006 và Nguyễn Thị Quỳnh M, sinh ngày 31/7/2014. Ông đồng ý ly hôn, tuy nhiên ông yêu cầu được nuôi con chung là Quỳnh M và yêu cầu bà C cấp dưỡng cho con với số tiền 2.000.000 đồng/tháng từ ngày 01/01/2026. Đối với tài sản chung, nợ chung thì thống nhất không yêu cầu giải quyết trong vụ án.

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung thì bà C khởi kiện ly hôn với ông T và yêu cầu nuôi con chung Quỳnh Mai, ông T đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C, công nhận thuận tình ly hôn cho bà C và ông T. Xét yêu cầu của bà C và ông T về nuôi con chung Quỳnh Mai thì thấy: Cháu Quỳnh M có nguyện vọng được sống với cha và bà C tôn trọng nguyện vọng của con nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Quỳnh Mai cho ông T nuôi dưỡng, bà C có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định. Các vấn đề về tài sản chung, nợ chung không có yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng bà C và ông T phải chịu quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27, đồng thời nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và hướng dẫn tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà C khởi kiện yêu cầu giải quyết về hôn nhân với bị đơn có nơi cư trú tại xã T, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho đương sự đến phiên tòa lần thứ hai, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn vắng mặt không lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà C và ông T tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã T, thành phố Cần Thơ) cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, bà C có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, giữa vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau nhưng thực tế giữa bà C và ông T không còn sống chung với nhau, đồng thời ông T đồng ý tự nguyện ly hôn. Theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà C và ông T.

[3] Về con chung: Bà C và ông T có hai người con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 13/11/2006 và Nguyễn Thị Quỳnh M, sinh ngày 31/7/2014. Xét thấy con chung Quỳnh N đã đủ 18 tuổi, có khả năng tự lao động và đang đi làm, các đương sự thống nhất không yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi dưỡng con chung Quỳnh Như. Đối với con chung Quỳnh Mai có nguyện vọng sống với cha, ông T cũng mong muốn được nuôi con chung và bà C tôn trọng nguyện vọng của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cho ông T được nuôi dưỡng con chung Quỳnh Mai. Bà C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng: Xét bà C đồng ý cấp dưỡng cho con chung Quỳnh Mai mỗi tháng 2.000.000 đồng là phù hợp yêu cầu của ông T, Hội đồng xét xử ghi nhận buộc bà C có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo mức đề nghị là đúng quy định

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà C và ông T đều không yêu cầu, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Bà C và ông T thuận tình ly hôn phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và hướng dẫn tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao. Mặt khác bà C thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nên còn phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Võ Thị C và ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Văn T được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Quỳnh M, sinh ngày 31/7/2014 đến khi con đủ 18 tuổi. Bà Võ Thị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng cho con:

- Buộc bà Võ Thị C có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Nguyễn Thị Quỳnh M, mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/01/2026 đến khi con đủ 18 tuổi.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền chậm thi hành án

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí:

- Bà Võ Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 75.000 đồng và án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0035110 ngày 05/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh, bà Võ Thị C còn phải nộp là 75.000 đồng.

- Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 75.000 đồng.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật

thi hành án dân sự.

Riêng phần nội dung về cấp dưỡng được thi hành ngay theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- UBND xã Tân Long,
thành phố Cần Thơ.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai